

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 240/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh);

Căn cứ Công văn số 8788/BTNMT-KSVN ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cấp phép khai thác khoáng sản đối với các giấy phép thăm dò, khai thác đã cấp trước ngày 01/7/2011;

Căn cứ Thông báo số 149-TB/TU ngày 05/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong cuộc họp ngày 03/7/2023 và tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị từ ngày 16-30/6/2023; Thông báo số 157-TB/TU ngày 23/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong cuộc họp ngày 21/8/2023 và tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị từ ngày 05-18/8/2023;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Triển khai thực hiện hiệu lực, hiệu quả “Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn

2050” theo Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 và Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025” được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/8/2023.

- Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, các công trình trong và ngoài tỉnh, nhu cầu san lấp của các tổ chức, cá nhân...; hạn chế thất thoát tài nguyên, tăng thu ngân sách cho địa phương và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Cụ thể hóa chi tiết từng nội dung về trình tự, thủ tục cấp phép; nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, vận chuyển, kinh doanh khoáng sản cát lòng sông, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch chi tiết thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản bảo đảm tính khả thi, tuân thủ các Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, các quy hoạch ngành, địa phương và kế hoạch thực hiện các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt;

- Huy động sự tham gia của toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Căn cứ nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch này, các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, bố trí nguồn lực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đối với công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. NỘI DUNG

Căn cứ Điều 45, 56 Luật Quy hoạch năm 2017, Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023, Kế hoạch thực hiện Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản bao gồm các nội dung:

1. Dự án đầu tư công:

- Tên dự án: “Thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng cát biển làm cát san lấp trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi”.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

2.1. Thời kỳ quy hoạch 10 năm (2021 - 2030):

2.1.1. Đối với sét gạch ngói: Tiếp tục xem xét cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác đối với 02 mỏ sét (Mỏ Tân Lập 1- xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước và Mỏ Tân Quới- xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành) theo quy định.

2.1.2. Đối với cát lòng sông: Từ tháng 8 năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tạm dừng tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản cát lòng sông tại Công văn số 3573/UBND-NN ngày 15/8/2013 đề rà soát, khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Sau khi rà soát lại tất cả các khu vực mỏ cát sông trên địa bàn tỉnh thì từ năm 2016 đến nay, tất cả các khu vực mỏ được cấp phép thăm dò, khai thác trước đây đều đã hết hạn theo giấy phép đã được cấp và phải tạm dừng thực hiện các thủ tục cấp phép/gia hạn giấy phép. Các doanh nghiệp chấp hành tạm ngưng khai thác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không thuộc trường hợp thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác theo quy định tại Điều 46, Điều 58 Luật Khoáng sản 2010. Do đó:

a) Tiếp tục xem xét cấp phép khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang gồm: tiếp tục cấp phép khai thác 18 mỏ đã cấp phép khai thác và cấp mới 13 mỏ đã cấp giấy phép thăm dò trước ngày 01/7/2011 theo tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt theo quy định pháp luật (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

b) Thời hạn cấp giấy phép khai thác tối đa 5 (năm) năm; được gia hạn theo quy định pháp luật.

c) Công suất cấp phép khai thác:

- Giai đoạn 2023 - 2025: 4,5 triệu m³/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: 7,5 triệu m³/năm.

Do Quy hoạch tỉnh không có quy hoạch công suất từng mỏ, nên tùy theo trữ lượng còn lại từng mỏ, doanh nghiệp đề xuất công suất khai thác hàng năm, lập dự án đầu tư và đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đảm bảo theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp phép khai thác nhưng tổng công suất cấp phép hàng năm không vượt công suất hàng năm theo từng giai đoạn đã được phê duyệt.

2.2. Thời kỳ quy hoạch dự báo 20 năm (2030 - 2050):

- Tiếp tục xem xét cấp mới, gia hạn các giấy phép khai thác khoáng sản sét, cát lòng sông theo quy định; tiếp tục thăm dò bổ sung theo chiều sâu, mở rộng, nâng cấp trữ lượng đối với các mỏ sét đã được cấp giấy phép khai thác.

- Tiếp tục xem xét cấp mới, gia hạn các giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cát lòng sông, cát biển theo đúng quy định pháp luật.

3. Kế hoạch sử dụng đất

- Dự kiến tổng nhu cầu sử dụng đất, mặt nước cần thiết phục vụ cho quá trình khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với cát sông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang khoảng 1.736,56 ha.

- Dự kiến tổng nhu cầu sử dụng đất cho khai thác khoáng sản sét làm sét gạch ngói và 02 nhà máy sản xuất gạch, ngói trên địa bàn huyện Tân Phước và huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang khoảng 101,75 ha.

4. Giải pháp thực hiện:

- Các sở, ngành tỉnh, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện 08 giải pháp được đề ra tại Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025” được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/8/2023.

- Ưu tiên xem xét, cấp giấy phép khai thác đối với các mỏ giáp ranh các tỉnh: Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre (khu vực huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành); các khu vực cần chỉnh trị dòng chảy; các khu vực mỏ thường xuyên xảy ra khai thác cát trái phép...

- Trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản nếu có phát sinh sự cố (sạt lở, an ninh trật tự, phản ứng gay gắt của người dân...) thì Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động khai thác khoáng sản và phải có trách nhiệm cùng với cơ quan chức năng xem xét, giải quyết theo quy định.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi có hoạt động khoáng sản chủ động đánh giá tình hình sạt lở lòng bờ, bãi sông để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này;

- Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định;

- Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, quyết định... đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương làm cơ sở để triển khai thực hiện. Căn cứ “Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn 2050”, Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025”, Công văn số 8788/BTNMT-KSVN ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cấp phép khai thác khoáng sản đối với các giấy phép thăm dò, khai thác đã cấp trước ngày 01/7/2011; đề xuất tổ chức thăm dò, đánh giá trữ lượng và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các nội dung có liên quan theo quy định pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan, hiệu đính, cập nhật các nội dung liên quan trong quá trình triển khai Quyết định 1762/QĐ-TTg như: 1) Tên mỏ/địa danh, dự án khai thác; 2) Ranh giới, tọa độ, diện tích; 3) Tài nguyên, trữ lượng thăm dò, trữ lượng huy động vào khai thác, trữ lượng khai thác, công suất khai thác; 4) Mục đích sử dụng khoáng sản...; đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, định hướng tổng quát của Phương án bảo vệ, khai

thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025 đã được phê duyệt; gửi Sở Kế hoạch Đầu tư tổng hợp, tham mưu trình xem xét hiệu đính, cập nhật theo quy định.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các ngành liên quan: Định kỳ hàng năm rà soát, dự báo nhu cầu sử dụng cát san lấp các công trình xây dựng trọng điểm, các khu cụm công nghiệp, dân dụng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang trong từng giai đoạn cụ thể, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05/01 hàng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp phép thăm dò, khai thác cho phù hợp với thực tế.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo khoản 1, Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Công Thương chủ trì thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản.

5. Sở Tài chính căn cứ thực tế nguồn thu hàng năm từ hoạt động khai thác khoáng sản, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác quy định tại khoản 2, Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các địa phương khảo sát, theo dõi thường xuyên các khu vực sạt lở, có nguy cơ sạt lở để kịp thời phát hiện và xác định nguyên nhân các khu vực sạt lở, kịp thời xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án khắc phục.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan trực thuộc, hệ thống truyền thanh cơ sở và các đơn vị liên quan thường xuyên tuyên truyền về khai thác, bảo vệ khoáng sản cát, sỏi lòng sông.

8. Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công cụ thể tại:

- Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Đề án “Phòng chống khai thác tài nguyên khoáng sản (đất, cát, sỏi...) trái phép trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, vùng giáp ranh giữa Tiền Giang với các tỉnh”.

- Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Đề án “Quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên cát tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2023 - 2025 và sau 2025”.

- Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Định kỳ trước ngày 30 của tháng cuối quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, các Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch này (qua Sở Tài nguyên và Môi trường). Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 05 kỳ báo cáo tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế địa phương./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Trọng

Phụ lục. Danh sách các mỏ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

TT	Vị trí khu vực mỏ	Dự kiến trữ lượng còn lại (m ³)	Thời hạn cấp phép tối đa (năm)	Ghi chú
I	18 khu vực mỏ đã cấp giấy phép khai thác trước đây:			
1	Mỏ An Nhơn, Xã Tân Thanh, An Hữu, huyện Cái Bè	912.871	5	
2	Mỏ Hòa Hưng-6, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	363.786	5	
3	Mỏ Hòa Hưng-5, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	422.991	5	
4	Mỏ Hòa Hưng-1, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	138.288	5	
5	Mỏ Hòa Hưng-2, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	1.241.081	5	
6	Mỏ Hòa Hưng-4, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	1.779.446	5	
7	Mỏ Mỹ Lương, xã Mỹ Lương, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	490.650	5	
8	Mỏ Vàm Cái Thia, xã Mỹ Lương, Hòa Khánh, huyện Cái Bè	4.555.321	5	
9	Mỏ Hòa Khánh-1, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè	725.159	5	
10	Mỏ Hòa Khánh, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè	328.318	5	
11	Mỏ Tân Phong, Xã Tân Phong- huyện Cai Lậy	700.494	5	
12	Mỏ Nam Cồn Đa, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	195.886	5	
13	Mỏ Tân Phong 1, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	1.118.718	5	
14	Mỏ Ngũ Hiệp-1, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	1.243.868	5	
15	Mỏ Ngũ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	391.164	5	
16	Mỏ Thới Sơn, xã Thới Sơn, TP Mỹ Tho	1.646.194	5	
17	Mỏ Tân Thạnh-2, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông	1.080.900	5	
18	Mỏ Tân Thạnh, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông	2.600.000	5	
Tổng:		19.935.135		
II	13 khu vực mỏ đã cấp phép thăm dò, đã phê duyệt trữ lượng, chưa cấp giấy phép khai thác:			
1	Mỏ Tân Thanh, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè	1.235.960	5	
2	Mỏ Hòa Hưng-7, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè	637.173	5	
3	Mỏ Ngũ Hiệp-2, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	2.598.889	5	
4	Mỏ Kim Sơn, xã Kim Sơn, Phú Phong, huyện Châu Thành	2.458.250	5	
5	Mỏ Song Thuận, xã Song Thuận, huyện Châu Thành	1.220.000	5	

6	Mỏ Bình Đức, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, xã Thới Sơn, TP Mỹ Tho	1.828.000	5	
7	Mỏ Tân Thạnh-4, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông	1.352.850	5	
8	Mỏ Tân Thạnh-3, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông	2.023.959	5	
9	Mỏ Phú Tân, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông	1.967.475	5	
10	Mỏ Phú Đông, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông	2.250.336	5	
11	Mỏ Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông và xã Long Vĩnh, Long Bình, huyện Gò Công Tây	1.344.000	5	
12	Mỏ Phước Trung, xã Phú Thạnh, Phú Đông, huyện Tân Phú Đông và xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông	1.695.400	5	
13	Mỏ Bình Xuân, xã Bình Xuân, Thị xã Gò Công	1.330.000	5	
Tổng:		21.942.292		
Tổng (I + II)		41.877.427		